

Bản án số: **21/2023/HS-ST**

Ngày 18 - 4 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Ngọc Thanh.

2. Ông Lê Việt Hoà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định , Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai , vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2023/TLST - HS ngày 09 tháng 3 năm 2023. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST - HS ngày 05 tháng 4 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Vũ Minh Đ, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam. Sinh ngày: 06/01/2006, tại xã Z, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn M, xã Z, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ học vấn: 11/12; Bố đẻ: Không xác định; Mẹ đẻ: Vũ Thị T4, sinh năm: 1975; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ tạm giam, bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 21/11/2022 đến nay. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Trịnh Xuân A, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 04/10/2003, tại xã ĐT, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn X, xã ĐT, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Bố đẻ: Trịnh Xuân Hà, sinh năm: 1980; Mẹ đẻ: Lê Thị Hương, sinh năm: 1983; Gia đình có 02 anh

em, bị cáo là con đầu; Có vợ Nguyễn Thị Hồng M1, có 01 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 11/01/2021 Bị cáo bị Công an xã ĐT, huyện Yên Định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” (Bị cáo đã nộp phạt xong năm 2021).

Bị cáo bị bắt để tạm giam từ ngày 26/11/2022, đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Nguyễn Hồng S**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 02/4/2003, tại xã TT, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn G xã TT, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Bố đẻ: Nguyễn Văn S, sinh năm: 1976; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1971; Gia đình bị cáo có 04 anh em bị cáo là con đầu; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/11/2022, đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Lê Đình T**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 27/7/2006, tại xã ĐT, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn X, xã ĐT, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Bố đẻ: Lê Đình G1, sinh năm 1982; Mẹ đẻ: Quán Thị T1, sinh năm: 1982; Gia đình có hai anh em, bị cáo là con đầu; Chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ tạm giam, bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 21/11/2022 đến nay. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Lê Văn B**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 28/02/2003, tại xã TT, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn G, xã Thiệu Thành, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Bố đẻ: Lê Văn M2 sinh năm 1961; Mẹ đẻ: Trịnh Thị T5, sinh năm: 1957; Gia đình có ba chị em, bị cáo là con thứ ba; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ tạm giam, bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 21/11/2022 đến nay. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Ngô Ngọc V**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 09/02/2005, tại xã TN, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn TS, xã TN, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ học vấn: 12/12; Bố đẻ: Ngô Văn Vân, sinh năm 1976; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị D1, sinh năm: 1980; Gia đình có ba chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ tạm giam, bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 21/11/2022 đến nay. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: **Nguyễn Văn M**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 21/12/2004, tại xã ĐT, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn I 1, xã ĐT, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Bố đẻ: Nguyễn Văn V1 (đã chết); Mẹ đẻ: Lê Thị H2 sinh năm:1975; Gia đình có ba anh em, bị cáo là con đầu; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ tạm giam, bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 21/11/2022 đến nay. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

8. Họ và tên: **Trịnh Ngọc C**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 02/02/2005, tại xã ĐT, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn I 1, xã ĐT, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ học vấn: 12/12; Bố đẻ: Trịnh Ngọc T6, sinh năm 1979; Mẹ đẻ: Lưu Thị H3, sinh năm:1978; Gia đình có hai anh em, bị cáo là con đầu; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ tạm giam, bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 21/11/2022 đến nay. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

9. Họ và tên: **Lưu Hồng P**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 05/02/2005, tại xã ĐT, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn I 1, xã ĐT, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ học vấn: 12/12; Bố đẻ: Lưu Văn T8, sinh năm 1973; Mẹ đẻ: Lê Thị T7, sinh năm: 1974; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ tạm giam, bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 21/11/2022 đến nay. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

10. Họ và tên: **Lê K**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 08/12/2005, tại xã ĐT, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn I 1, xã ĐT, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ học vấn: 12/12; Bố đẻ: Lê Văn D2 sinh năm 1983; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị H4 sinh năm: 1978; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ tạm giam, bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 21/11/2022 đến nay. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Lê Đình T, Ngô Ngọc V, Nguyễn Văn M, Trịnh Ngọc C, Lưu Hồng P và Lê K:* Bà Nguyễn Thị Ng - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

- **Người bào chữa cho các bị cáo Vũ Minh Đ, Nguyễn Hồng S và Lê Văn Thanh:** Bà Hoàng Thị Th - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

- **Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Vũ Minh Đ:** Bà Vũ Thị Thu – sinh 1975 (mẹ đẻ bị cáo có mặt).

Địa chỉ: Thôn Mỹ Nga, xã Z, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- **Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lê K:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978 (mẹ đẻ bị cáo có mặt).

Địa chỉ: Thôn I 1, xã ĐT, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- **Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lê Đình T:** Bà Quán Thị T1, sinh năm 1978 (mẹ đẻ bị cáo có mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã ĐT, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- **Đại diện T trung học phổ thông Yên Định 1, huyện Yên Định.**

Ông: Trịnh Văn T2 – Chức vụ: Phó Hiệu trưởng.(Có mặt)

- **Đại diện Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp – Giáo dục Thường xuyên huyện Yên Định:**

Ông: Nguyễn Văn T3 – Giáo viên chủ nhiệm lớp 12 A em Lê K (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Minh Đ và Lê Thị L có quan hệ tình cảm yêu nhau, nhưng đã chia tay. Sau đó giữa L và Đ có xảy ra mâu thuẫn. Sáng ngày 17/9/2022, L và Đ hẹn gặp nhau nói chuyện giải quyết mâu thuẫn, Đ thách thức L gọi thêm người đánh nhau. Đến trưa cùng ngày, Đ nhờ Phạm Minh R (sinh năm 2006 ở xã Z, huyện Yên Định) chở Đ đi gặp L nói chuyện (Đ không nói đánh nhau), trên đường đi thì gặp Nguyễn Thê G (sinh năm năm 2006 ở xã Z, huyện Yên Định) nên Đ rủ G đi cùng nhưng sau đó không gặp được L. Đến khoảng gần 15 giờ cùng ngày thì Đ, R và G gặp L đang đi cùng với tốp bạn cả nam và nữ thì L và Đ hẹn nhau ra đoạn đường mới để nói chuyện. Sau khi hẹn Đ, L đến nhờ Trịnh Xuân A đi cùng để đánh nhau giải quyết mâu thuẫn, A đồng ý rồi vào nhà lấy 01 gậy baton (loại gậy 3 khúc bằng kim loại) mang theo. Sau đó, A đến nhà Lê Đình T rủ T đi đánh nhau, T đồng ý rồi đi vào nhà lấy một con dao tự chế (cán bằng ống tuýp có thể tháo rời lưỡi), đồng thời T rủ Nguyễn Văn M, Trịnh Ngọc C, Lê K, Lưu Hồng P, Ngô Ngọc V và Lưu Văn E (sinh ngày 10/11/2007 ở xã ĐT, huyện Yên Định) khi đó đang chơi tại nhà T cùng đi đánh nhau thì cả nhóm đồng ý. Lúc này, A và T cầm theo hung khí rồi đi trước thì gặp L và 2 bạn của L là Trịnh Thị Thanh Giang (sinh năm 2009 ở thôn X, xã ĐT, huyện Yên Định) và Hoàng Thị Hà (sinh năm 2005 ở thôn Vực Phác, xã Định Liên, huyện Yên

Định) và cùng nhau đi đến điểm hẹn. Sau khi được T rủ đi đánh nhau thì Văn cầm theo 01 con dao tự chế, M, C mỗi người cầm theo một gậy baton rồi cùng với K, P và E đi sau đến chỗ T. Về phần Vũ Minh Đ, sau khi thách thức và hẹn L ở đường mới, thấy L đi đông người, Đ sợ bị đánh nên đi nhờ người đi cùng. Lúc này Đ gặp Nguyễn Hồng S đang ngồi uống nước cùng Lê Văn B, Trịnh Phương N (sinh năm 2007), Nguyễn Văn Q (sinh năm 2006 đều ở xã Thiệu Thành, huyện Thiệu Hoá) ở thị trấn Y nên Đ gọi S ra ngoài và nhờ S đi cùng Đ, S đồng ý rồi đi vào trong quán nước bảo B, Q, N đi cùng S. S chở Đ và B đi gặp L (khi đi S mang theo một bì đựng 04 thanh tuýp sắt do S và B đã chuẩn bị sẵn từ trước) còn N, Q, G và R khi đó cũng đi theo sau.

Khi nhóm Đ đi ra đường mới từ thị trấn Y theo hướng đi xã ĐT đến đoạn đường thuộc khu phố Ngọc S, thị trấn Y thì gặp nhóm của L đang đi cùng A, T và hai bạn của L đi từ phía xã ĐT đến thì dừng lại. Lúc này, Đ, S và B đi lại gặp L nói chuyện, khi đó A và T cũng lại nói chuyện thì hai bên cãi nhau thách thức đánh nhau (khi đó Q, G, R, N đứng gần đó nhưng không tham gia gì), T thấy vậy nên lấp lười dao tự chế và gậy tuýp sắt đã mang theo thành 01 con dao tự chế lừa Đ, S và B chạy về chỗ Q, G, R và N đang đứng. Cùng lúc đó thì V, M, C, P, K và E cũng đi đến nơi. Thấy Đ, S và B bỏ chạy nên Q, R và G cũng bỏ chạy. Thấy nhóm Đ bỏ chạy thì A, T, V, M, P, C, K và E đuổi theo. Khi nhóm Đ chạy được khoảng 100m trên đường nhựa thì Văn ném dao về hướng nhóm Đ thì dao văng trúng vào chân của Đ, còn A khi đó cũng đuổi kịp Q, A cầm gậy baton lao lại vụt trúng 01 cái vào lưng của Q thì Q, R và G tiếp tục chạy rẽ về hướng tây vào đường bê tông (hướng về nhà thờ Ngọc S) thì bị A, K và E tiếp tục đuổi theo. E đuổi theo thêm một đoạn nữa nhưng không đuổi kịp thì E dừng lại, còn A và K tiếp tục đuổi theo Q, R và G đến khi Q chạy vào khu vực dân cư Ngọc S trốn, còn R và G chạy xuống ruộng thì A và K mới dừng lại rồi đi quay lại đường nhựa. Còn Đ, S và B tiếp tục chạy dọc trên đường nhựa thì bị T, V, M, C và P tiếp tục đuổi theo chạy thêm khoảng 100m nữa thì Đ, S và B chạy rẽ về hướng E vào bờ ruộng trồng ớt (hướng về xã Z), khi S chạy đến ruộng nước thì bị trượt chân ngã nên bị Văn, T đuổi kịp, lúc này Văn dùng tay nắm liên tiếp vào đầu, người của S và giật gậy tuýp S đang cầm, còn T dùng dao chém 01 nhát vào khuỷu tay trái S, khi đó Đ và B đã chạy thoát. Khi bị đánh bị thương chảy máu thì S xin nên T, V, M, P và C không đánh S nữa và đi quay lại lên đường nhựa. Đến nơi, T thấy N đang đi bộ ở trên đường, T đi lại dùng tay nắm mấy cái vào mặt N. Lúc này có người hô Công an đến nên cả nhóm này lên xe bỏ chạy về hướng xã ĐT, còn S sau đó được mọi người đưa đến Bệnh viện điều trị.

Quá trình điều tra xác minh, Nguyễn Hồng S bị 01 vết thương rách da tại vị trí ngực phải kích thước 4cm x 0,5cm, 01 vết thương trầy xước da tại vị trí ngực phải,

kích thước 4cm x 0,1cm; 01 vết thương đã khâu 4 mũi vùng khuỷu tay trái dài 4cm. Vũ Minh Đ bị 01 vết thương xây xước da mặt sau gót chân trái, không rõ hình, kích thước 2cm x 0,5cm. Nguyễn Văn Q bị 01 vết bầm đỏ tại vùng lưng phía trên, kích thước trong diện 8cm x 3cm, còn Trịnh Phương N bị T đấm nhưng không thấy bị thương tích gì.

Tại bản kết luận giám định số 970/2022/TTPY ngày 10/10/2022 của Trung tâm Pháp y tỉnh Thanh Hoá, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với anh Nguyễn Hồng S là 05% .

Cũng trong quá trình điều tra đã xác định, ngoài hậu quả gây thương tích cho Nguyễn Hồng S, Vũ Minh Đ, Nguyễn Văn Q và Trịnh Phương N như đã nêu trên. Cơ quan điều tra còn xác định hành vi lừa dối đánh nhau tại đường giao thông gây mất trật tự công cộng trên đường giao thông và khu vực dân cư, gây hoang mang, lo lắng và bức xúc trong quần chúng nhân dân, những hành vi nêu trên ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an xã hội trên địa bàn.

Quá trình điều tra, các bị can đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân và đồng phạm. Lời khai của các bị can phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, người chứng kiến, kết luận giám định, các vật chứng đã thu giữ và các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Về vật chứng vụ án:

- 01 gậy bằng kim loại dài 60cm, có cán bằng kim loại dài 23cm, bọc cao su;
- 01 gậy baton (ba khúc) dài 60,8cm đã cũ, hoen gỉ, được chia làm ba đoạn. Hai đoạn nhỏ ở trên bằng kim loại màu vàng, nâu, đen. Đoạn cán bọc cao su màu đen, hai đầu bằng kim loại màu vàng nâu. Ba đoạn có thể được rút lại thành một (đoạn tay cầm).
- 01 gậy baton (ba khúc) hình trụ tròn làm bằng kim loại màu ghi, tổng chiều dài là 52,5cm, cán bọc cao su màu đen.
- 01 con dao tự chế bằng kim loại được tháo rời phần lưỡi và cán. Phần lưỡi dao dài 45cm, đầu lưỡi dao nhọn, bản dao chỗ rộng nhất 6cm. Phần cán dao là đoạn ống sắt dài 47cm, đường kính 2,5cm.
- 01 con dao, dạng dao tự chế bằng kim loại đã cũ, hoen gỉ. Cán dao bằng kim loại (dạng ống tuýp) dài 45,5cm, đường kính 2,5cm, lưỡi dao dài 25.5cm, mũi bằng, chỗ rộng nhất 7,5cm, lưỡi dao bằng kim loại được hàn cố định vào cán, Tổng chiều dài của con dao là 70,5cm.
- 01 gậy kim loại hình trụ tròn rỗng trong (dạng cây tuýp sắt) đã cũ, hoen gỉ, dài 92,3cm, đường kính 2cm.

Các vật chứng trên hiện đang được bảo quản, chờ xử lý theo quy định của pháp luật. Ngoài ra đối với 03 gậy tuýp bằng kim loại dài khoảng từ 70 – 100cm

là do Nguyễn Hồng S và Lê Văn B chuẩn bị và cùng Vũ Minh Đ sử dụng để lừa đánh nhau sau đó vớt lại tại hiện T. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được.

Đối với các xe mô tô BKS 36P5 – 5300 và xe mô tô BKS 36B5 -363.37 là phương tiện mà C và A đã sử dụng để lừa đánh nhau. Quá trình điều tra đã xác minh làm rõ là xe mô tô của ông Trịnh Ngọc Hoàng, sinh năm 1954 ở Thôn I 1, xã ĐT, huyện Yên Định (ông nội của C). C lấy xe sử dụng ông Hoàng không biết, sau đó đã trả xe lại cho ông Hoàng. Đối với xe mô tô của anh Hoàng Văn Phong, sinh năm 1999 ở thôn Cao Phú, xã T Xuân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá do A mượn làm phương tiện đi lại, sau đó đã trả lại cho anh Phong. Việc C, A sử dụng để lừa đánh nhau ông Hoàng và anh Phong không biết nên Cơ quan điều tra không tạm giữ phương tiện trên là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự đối với hành vi gây thương tích: Quá trình điều tra, gia đình các bị can Trịnh Xuân A, Lê Đình T, Ngô Ngọc V, Nguyễn Văn M, Trịnh Ngọc C, Lê K và Lưu Hồng P đã bồi thường thiệt hại do thương tích gây nên cho Nguyễn Hồng S với tổng số tiền là 11.000.000đồng. Ngoài ra, các bên không còn đề nghị gì.

Tại bản cáo trạng số 22/CT-VKSÝĐ ngày 08/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định đã truy tố các bị can Vũ Minh Đ, Trịnh Xuân A, Nguyễn Hồng S, Lê Đình T, Lê Văn B, Ngô Ngọc V, Nguyễn Văn M, Trịnh Ngọc C, Lưu Hồng P và Lê K về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Vũ Minh Đ, Trịnh Xuân A, Nguyễn Hồng S, Lê Đình T, Lê Văn B, Ngô Ngọc V, Nguyễn Văn M, Trịnh Ngọc C, Lưu Hồng P và Lê K khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự G bố các bị cáo Vũ Minh Đ, Trịnh Xuân A, Nguyễn Hồng S, Lê Đình T, Lê Văn B, Ngô Ngọc V, Nguyễn Văn M, Trịnh Ngọc C, Lưu Hồng P và Lê K phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Trịnh Xuân A từ 24 tháng đến 27 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 26/11/2022.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 và Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Hồng S từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 25/11/2022.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Lê Văn B từ 24 tháng đến 27 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và khoản 1, 2 Điều 65; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Vũ Minh Đ từ 18 tháng đến 21 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 36 tháng đến 42 tháng.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và khoản 1, 2 Điều 65; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Lê Đình T từ 15 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng.

Xử phạt Ngô Ngọc V từ 15 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng.

Xử phạt Lưu Hồng P từ 15 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 17; Điều 58 và khoản 1, 2 Điều 65; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Văn M từ 15 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng.

Xử phạt Trịnh Ngọc C từ 15 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng.

Xử phạt Lê K từ 15 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đề nghị HĐXX tịch thu tiêu hủy:

- 01 gậy bằng kim loại dài 60cm, có cán bằng kim loại dài 23cm, bọc cao su;
- 01 gậy baton (ba khúc) dài 60,8cm đã cũ, hoen gỉ, được chia làm ba đoạn. Hai đoạn nhỏ ở trên bằng kim loại màu vàng, nâu, đen. Đoạn cán bọc cao su màu đen, hai đầu bằng kim loại màu vàng nâu. Ba đoạn có thể được rút lại thành một (đoạn tay cầm).

- 01 gậy baton (ba khúc) hình trụ tròn làm bằng kim loại màu ghi, tổng chiều dài là 52,5cm, cán bọc cao su màu đen.

- 01 con dao tự chế bằng kim loại được tháo rời phần lưỡi và cán. Phần lưỡi dao dài 45cm, đầu lưỡi dao nhọn, bản dao chỗ rộng nhất 6cm. Phần cán dao là đoạn ống sắt dài 47cm, đường kính 2,5cm.

- 01 con dao, dạng dao tự chế bằng kim loại đã cũ, hoen gỉ. Cán dao bằng kim loại (dạng ống tuýp) dài 45,5cm, đường kính 2,5cm, lưỡi dao dài 25.5cm, mũi bằng, chỗ rộng nhất 7,5cm, lưỡi dao bằng kim loại được hàn cố định vào cán, Tổng chiều dài của con dao là 70,5cm.

- 01 gậy kim loại hình trụ tròn rỗng trong (dạng cây tuýp sắt) đã cũ, hoen gỉ, dài 92,3cm, đường kính 2cm.

Về án phí: Thực hiện theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa Nguyễn Thị Ngà - Trợ giúp viên pháp lý kính đề nghị HĐXX xem xét:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 65, Điều 91, Điều 101 BLHS đối với bị cáo Lê Đình T; Ngô Ngọc V, Lưu Hồng P;

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 65, Điều 91, Điều 101 BLHS đối với các bị cáo Nguyễn Văn M, Trịnh Ngọc C và Lê K.

+ Xử phạt bị cáo Lê Đình T, Nguyễn Văn M, Trịnh Ngọc C, Ngô Ngọc V, Lưu Hồng P, Lê K mức án thấp nhất theo đề nghị của Viện Kiểm sát và cho các bị cáo hưởng án treo.

Người bào chữa Hoàng Thị Thủy - Trợ giúp viên pháp lý kính đề nghị HĐXX xem xét:

- Về TNHS: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s, t khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65, đối với bị cáo S; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101BLHS, Điều 65 đối với bị cáo Đ để tuyên phạt các bị cáo mức án khoan hồng và cho bị cáo được hưởng án treo để tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh để trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Áp dụng điểm b khoản 2 điều 318; điểm s khoản 1 điều 51 đối với bị cáo B để tuyên phạt các bị cáo mức án thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

- Về án phí: Gia đình bị cáo S, B thuộc hộ cận nghèo nên đề nghị HĐXX Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án. Miễn án phí cho bị cáo S, B.

Đại diện T trung học phổ thông Yên Định 1, huyện Yên Định đề nghị HĐXX:
Giảm mức án thấp nhất cho các bị cáo để tạo điều kiện cho các bị cáo được học hành thực hiện ước mơ hoài bão của mình.

Đại diện Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp – Giáo dục Thường xuyên huyện Yên Định đề nghị HĐXX: Do tính bông bột của tuổi trẻ mong HĐXX xét mức án thấp nhất để em K được tiếp tục đi học.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Nhận định về hành vi, quyết định tố tụng:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của người tiến hành tố tụng và quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Như vậy, hành vi của Điều tra viên, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Định; hành vi của Kiểm sát viên, quyết định tố tụng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Nhận định về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Thông qua tranh tụng tại phiên tòa, các bị cáo Vũ Minh Đ, Trịnh Xuân A, Nguyễn Hồng S, Lê Đình T, Lê Văn B, Ngô Ngọc V, Nguyễn Văn M, Trịnh Ngọc C, Lưu Hồng P và Lê K hoàn toàn thừa nhận: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 17/9/2022, tại khu vực đường giao thông thuộc địa phận khu phố Ngọc S, thị trấn Y, huyện Yên Định, Vũ Minh Đ, Lê Thị L, Trịnh Xuân A, Nguyễn Hồng S, Lê Đình T, Lê Văn B, Ngô Ngọc V, Nguyễn Văn M, Lưu Hồng P, Trịnh Ngọc C, Lê K và Lưu Văn E đã có những lời lẽ thách thức rồi dùng gậy tuýp, gậy baton, dao tự chế, xe mô tô là các hung khí lùa đuổi đánh nhau. Hậu quả làm cho Vũ Minh Đ, Nguyễn Hồng S, Nguyễn Văn Q và Trịnh Phương N bị thương và gây mất trật tự nơi công cộng ở khu phố Ngọc S, thị trấn Y, huyện Yên Định. Gây hoang mang, lo lắng và bức xúc trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an xã hội trên địa bàn. Hành vi đó đã đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng”. Các bị cáo dùng hung khí nên phạm tội theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự. Đối với Lê K, Lưu Hồng P biết các đối tượng sử dụng hung khí để đuổi đánh nhau và cũng có hành vi tham gia cùng, nên Lê K, Lưu Hồng P đồng phạm theo khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự cùng với các bị cáo khác.

Đối chiếu với lời khai của cáo bị cáo trong hồ sơ vụ án, người làm chứng, vật chứng thu giữ được và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, thấy hoàn toàn phù hợp. Như vậy, HĐXX xét thấy có đủ căn cứ chứng minh hành vi dùng hung khí

gậy tuýp, gậy baton, dao tự chế, xe mô tô lửa đuổi đánh nhau. Hậu quả làm cho Vũ Minh Đ, Nguyễn Hồng S, Nguyễn Văn Q và Trịnh Phương N bị thương và gây mất trật tự nơi công cộng. Hành vi của các bị cáo Vũ Minh Đ, Trịnh Xuân A, Nguyễn Hồng S, Lê Đình T, Lê Văn B, Ngô Ngọc V, Nguyễn Văn M, Trịnh Ngọc C, Lưu Hồng P và Lê K, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tội phạm đã được thành lập theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự với tình tiết dùng hung khí. VKSND huyện Yên Định truy tố các bị cáo theo tội danh trên, đề nghị HĐXX áp dụng điều luật là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá về những người có liên quan đến hành vi phạm tội:

Đối với Lê Thị L và Lưu Văn E khi thực hiện hành vi gây rối chưa đủ 16 tuổi nên Lê Thị L và Lưu Văn E không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Vì vậy Công an huyện Yên Định ra quyết định xử lý vi phạm hành chính đối với L và E là phù hợp.

Đối với Phạm Minh R, Nguyễn Thế G, Trịnh Phương N và Nguyễn Văn Q đến và có mặt tại hiện T vụ án từ đầu nhưng họ không biết trước việc đánh nhau và tại hiện T họ cũng không tham gì vào việc đánh nhau, gây rối trật tự công cộng, đến khi bị đuổi đánh thì họ bỏ chạy nên những người này không phạm tội. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với R, G, N và Q là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Đối với Lê Đình T và Ngô Ngọc V có hành vi sử dụng hung khí nguy hiểm đánh gây thương tích cho anh Nguyễn Hồng S với tỷ lệ thương tích là 05% là có dấu hiệu của tội “Cố ý gây thương tích” nhưng Nguyễn Hồng S không yêu cầu khởi tố nên Cơ quan điều tra không khởi tố vụ án “Cố ý gây thương tích” là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Đối với thương tích của Vũ Minh Đ, Nguyễn Văn Q và Trịnh Phương N do thương tích nhẹ, không phải điều trị tại bệnh viện, nên Đ, Q và N đều từ chối đi giám định và không có yêu cầu, đề nghị gì nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với những người liên quan về hành vi này là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[4] Nguyên nhân và điều kiện phạm tội:

Bị cáo Lê Đình T, Ngô Ngọc V, Nguyễn Văn M, Trịnh Ngọc C, Lưu Hồng P và Lê K và Vũ Minh Đ là những bị cáo khi phạm tội đang dưới 18 tuổi. Nguyên nhân phạm tội là do sự bồng bột nhất thời của tuổi mới lớn. Sự quản lý giáo dục của gia đình chưa quan tâm sâu sát đúng mức. Sự phối hợp giữa gia đình và nhà T trong việc quản lý giáo dục bị cáo có lúc còn lỏng lẻo. Đó là nguyên nhân và điều kiện dẫn đến các bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi.

[5] Đánh giá tính chất của vụ án và quan hệ pháp luật xâm phạm:

Tính chất vụ án là nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó gây mất trật tự nơi công cộng, làm cản trở hoạt động giao thông trên địa bàn khu phố dân cư, gây hoang mang, lo lắng và bức xúc trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an xã hội trên địa bàn, không những thế hành vi đó còn xâm phạm đến thân thể, sức khỏe của người khác. Hành vi phạm tội các bị cáo cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật để răn đe và phòng ngừa chung.

[6] Đánh giá về vai trò của các bị cáo:

Đây là vụ án hình sự có tính chất đồng phạm nhưng mang tính giản đơn. Trong đó bị cáo Vũ Minh Đ, Trịnh Xuân A, Nguyễn Hồng S và Lê Đình T là người tham gia ngày từ đầu đến khi kết thúc, là người rủ các bị cáo khác tham gia đánh nhau, trực tiếp dùng hung khí là gậy tuýp, gậy baton, dao tự chế, xe mô tô lừa đuổi nhau gây thương tích và gây mất trật tự công cộng, nên giữ vai trò số một. Bị cáo Lê Văn B là người tham gia tích cực ngay từ đầu, nên giữ vai trò thứ hai. Các bị cáo Ngô Ngọc V, Nguyễn Văn M, Trịnh Ngọc C, Lưu Hồng P và Lê K cũng dùng hung khí đuổi đánh tích cực nên giữ vai trò thứ ba.

[7] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân:

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện rõ sự ăn năn hối cải, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Các bị cáo Trịnh Xuân A, Lê Đình T, Ngô Ngọc V, Nguyễn Văn M, Trịnh Ngọc C, Lê K và Lưu Hồng P được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ là Bồi thường thiệt hại theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Nguyễn Hồng S trong quá trình điều tra đã tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra phát hiện tội phạm nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS. Đối với bị cáo Lê Đình T, Ngô Ngọc V, Lưu Hồng P và Nguyễn Hồng S ông bà nội được tặng thưởng huân chương kháng chiến, nên được hưởng thêm một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo Vũ Minh Đ tham gia ủng hộ công tác phòng chống dịch Cô vít nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, đối với các bị cáo Vũ Minh Đ, Lê Đình T, Nguyễn Văn M, Trịnh Ngọc C, Lê K, Lưu Hồng P và Ngô Ngọc V phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, là người chưa thành niên phạm tội nên được hưởng chính sách hình sự quy định tại Chương XII Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Hồng S có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng nên áp dụng Điều 54 BLHS để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

Trên cơ sở đánh giá tính chất vụ án, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Trịnh Xuân A có vị trí vai trò đầu, đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo Nguyễn Hồng S có vai trò đầu; bị cáo Lê Văn B có vai trò thứ hai, có 01 tình tiết giảm nhẹ, là những người đã thành niên, nên cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc trong môi trường giam giữ là cần thiết. Có như vậy mới đủ điều kiện, thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình nên xem xét giảm một phần khi quyết định hình phạt.

Các bị cáo Vũ Minh Đ, Lê Đình T, Ngô Ngọc V, Nguyễn Văn M, Trịnh Ngọc C, Lưu Hồng P và Lê Anh Tuấn có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định, khi phạm tội các bị cáo là người chưa thành niên, nhận thức pháp luật còn hạn chế. Căn cứ chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội, nên không cần thiết áp dụng hình phạt nghiêm khắc mà cho các bị cáo được hưởng án cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội, tạo điều kiện cho các bị cáo học tập để thực hiện ước mơ hoài bão của mình.

[8] Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí:

- Trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, gia đình các bị can Trịnh Xuân A, Lê Đình T, Ngô Ngọc V, Nguyễn Văn M, Trịnh Ngọc C, Lê K và Lưu Hồng P đã bồi thường thiệt hại do thương tích gây nên cho Nguyễn Hồng S với tổng số tiền là 11.000.000đồng. Ngoài ra các bên không còn đề nghị gì, nên HĐXX không xem xét.

- Xử lý vật chứng:

Vật chứng của vụ án gồm:

- 01 gậy bằng kim loại dài 60cm, có cán bằng kim loại dài 23cm, bọc cao su;

- 01 gậy baton (ba khúc) dài 60,8cm đã cũ, hoen gỉ, được chia làm ba đoạn. Hai đoạn nhỏ ở trên bằng kim loại màu vàng, nâu, đen. Đoạn cán bọc cao su màu đen, hai đầu bằng kim loại màu vàng nâu. Ba đoạn có thể được rút lại thành một (đoạn tay cầm).

- 01 gậy baton (ba khúc) hình trụ tròn làm bằng kim loại màu ghi, tổng chiều dài là 52,5cm, cán bọc cao su màu đen.

- 01 con dao tự chế bằng kim loại được tháo rời phần lưỡi và cán. Phần lưỡi dao dài 45cm, đầu lưỡi dao nhọn, bản dao chỗ rộng nhất 6cm. Phần cán dao là đoạn ống sắt dài 47cm, đường kính 2,5cm.

- 01 con dao, dạng dao tự chế bằng kim loại đã cũ, hoen gỉ. Cán dao bằng kim loại (dạng ống tuýp) dài 45,5cm, đường kính 2,5cm, lưỡi dao dài 25.5cm, mũi bằng,

chỗ rộng nhất 7,5cm, lưỡi dao bằng kim loại được hàn cố định vào cán, Tổng chiều dài của con dao là 70,5cm.

- 01 gậy kim loại hình trụ tròn rỗng trong (dạng cây tuýp sắt) đã cũ, hoen gỉ, dài 92,3cm, đường kính 2cm.

Đây là công cụ các bị cáo dùng để phạm tội, nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

- Về án phí: Các bị cáo bị kết án có tội, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Riêng bị cáo S và B thuộc hộ cận nghèo, có đơn xin miễn tiền án phí. Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, miễn tiền án phí cho bị cáo S và B.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 318 BLHS, tuyên bố các bị cáo: Vũ Minh Đ, Trịnh Xuân A, Nguyễn Hồng S, Lê Đình T, Lê Văn B, Ngô Ngọc V, Nguyễn Văn M, Trịnh Ngọc C, Lưu Hồng P và Lê K phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Trịnh Xuân A 24 (*hai bốn*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 26/11/2022.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Lê Văn B 24 (*hai bốn*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Khoản 1 Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Hồng S 16 (*mười sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 25/11/2022.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Khoản 1, 2 Điều 65; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Vũ Minh Đ 20 (*hai mươi*) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 40 (*bốn mươi*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Khoản 1, 2 Điều 65; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Lê Đình T 18 (*mười tám*) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 36 (*ba sáu*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Ngô Ngọc V 18 (*mười tám*) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 36 (*ba sáu*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Lưu Hồng P 15 (*mười lăm*) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (*ba mươi*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Khoản 1, 2 Điều 65; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Văn M 18 (*mười tám*) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 36 (*ba sáu*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Trịnh Ngọc C 18 (*mười tám*) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 36 (*ba sáu*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Lê K 15 (*mười lăm*) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (*ba mươi*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vũ Minh Đ cho Ủy ban nhân dân xã Z, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá; Giao bị cáo Ngô Ngọc V cho UBND xã Thiệu Ngọc, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Giao bị cáo Lê Đình T, Nguyễn Văn M, Trịnh Ngọc C, Lưu Hồng P, Lê K cho Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Thiệu Ngọc, huyện Thiệu Hóa, UBND xã Z, UBND xã ĐT, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa trong việc giám sát giáo dục người đó.

Trong T hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 gậy bằng kim loại dài 60cm, có cán bằng kim loại dài 23cm, bọc cao su;

- 01 gậy baton (ba khúc) dài 60,8cm đã cũ, hoen gỉ, được chia làm ba đoạn. Hai đoạn nhỏ ở trên bằng kim loại màu vàng, nâu, đen. Đoạn cán bọc cao su màu đen, hai đầu bằng kim loại màu vàng nâu. Ba đoạn có thể được rút lại thành một (đoạn tay cầm).

- 01 gậy baton (ba khúc) hình trụ tròn làm bằng kim loại màu ghi, tổng chiều dài là 52,5cm, cán bọc cao su màu đen.

- 01 con dao tự chế bằng kim loại được tháo rời phần lưỡi và cán. Phần lưỡi dao dài 45cm, đầu lưỡi dao nhọn, bản dao chỗ rộng nhất 6cm. Phần cán dao là đoạn ống sắt dài 47cm, đường kính 2,5cm.

- 01 con dao, dạng dao tự chế bằng kim loại đã cũ, hoen gỉ. Cán dao bằng kim loại (dạng ống tuýp) dài 45,5cm, đường kính 2,5cm, lưỡi dao dài 25.5cm, mũi bằng, chỗ rộng nhất 7,5cm, lưỡi dao bằng kim loại được hàn cố định vào cán, Tổng chiều dài của con dao là 70,5cm.

- 01 gậy kim loại hình trụ tròn rỗng trong (dạng cây tuýp sắt) đã cũ, hoen gỉ, dài 92,3cm, đường kính 2cm.

(Theo phiếu nhập kho số NK 23 ngày 10/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.)

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên buộc Vũ Minh Đ, Trịnh Xuân A, Lê Đình T, Ngô Ngọc V, Nguyễn Văn M, Trịnh Ngọc C, Lưu Hồng P và Lê K mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Miễn tiền án phí cho bị cáo Nguyễn Hồng S và Lê Văn B.

- Quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 1 Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên quyền kháng cáo bản án cho các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Công an huyện Yên Định;
- Bị cáo; Người đại diện;
- Người bào chữa;
- Chi cục THADS Yên Định;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Thắng